



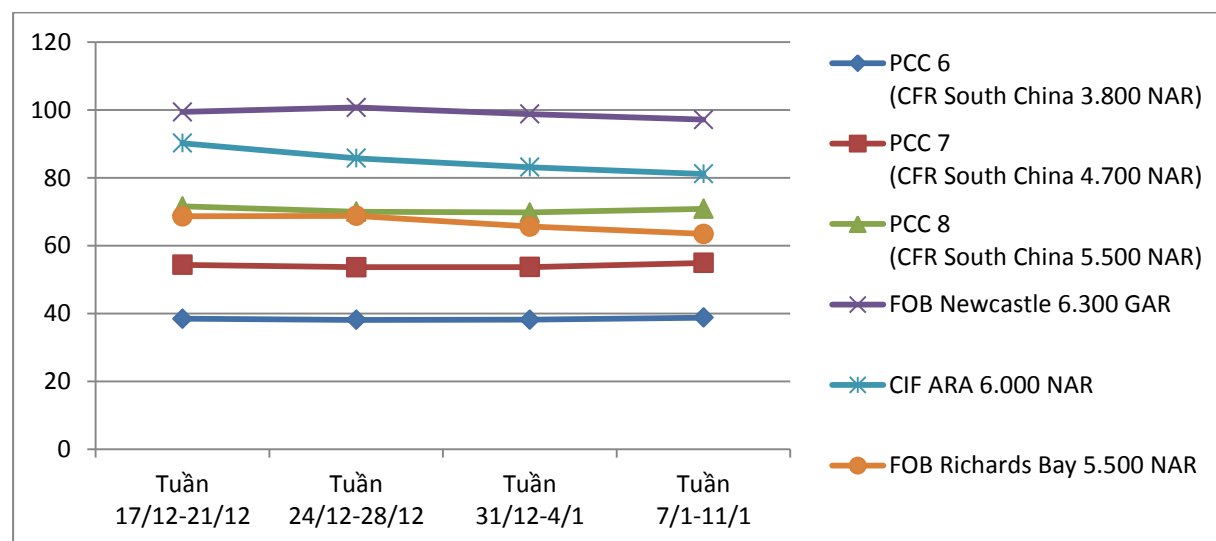
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
BẢN TIN THAN TUẦN 2 - THÁNG 1
 (Từ 7/1 – 11/1)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá	Tuần 17/12-21/12	Tuần 24/12-28/12	Tuần 31/12-4/1	Tuần 7/1-11/1
PCC 6 (CFR South China 3,800 NAR)	38,36	38,1	38,15	38,76
PCC 7 (CFR South China 4,700 NAR)	54,02	53,60	53,65	54,88
PCC 8 (CFR South China 5,500 NAR)	70,68	70	69,75	70,81
FOB Newcastle 6,300 GAR	98,33	100,68	98,75	97,1
CIF ARA 6,000 NAR	89,29	85,73	83,07	81,11
FOB Richards Bay 5,500 NAR	68,47	68,73	65,6	63,43
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	100,56	102,55	99,54	97,61



Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 2 tháng 1 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 2 tháng 1	7/1	8/1	9/1	10/1	11/1
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	8,20	8,35	8,00	7,90	7,85
2	Queensland – Nhật Bản	9,30	9,45	9,00	8,80	8,75
3	New South Wales – Hàn Quốc	10,15	10,30	9,85	9,65	9,60
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	12,55	12,50	12,40	12,30	12,30
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	8,60	8,50	8,40	8,20	8,10
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	12,75	12,70	12,60	12,50	12,50
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	7,20	7,10	7,05	6,85	6,75
5	Úc - Trung Quốc	11,35	11,30	11,20	10,90	10,80
6	Úc - Ấn Độ	12,75	12,70	12,60	12,25	12,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

Nam Phi xuất khẩu 7,9 triệu tấn than nhiệt trong tháng 11

Trong tháng 11, Nam Phi đã xuất khẩu 7,9 triệu tấn than nhiệt, tăng 25% so với tháng 10 và 13% so với cùng kỳ năm 2017, theo dữ liệu của hải quan. Cán cân thương mại đã dần cân bằng trở lại sau khi lượng than xuất khẩu sang Châu u giảm xuống sau những tháng tăng trưởng nóng, trong khi xuất khẩu sang Châu Á - đặc biệt là Ấn Độ - trở lại ổn định hơn.

Ấn Độ trở lại là thị trường nhập khẩu than Nam Phi lớn nhất với khối lượng trên 3,1 triệu tấn - chiếm 39% tổng kim ngạch xuất khẩu. Con số này cao hơn 62% so với tháng 10, tháng thấp nhất trong vòng 15 tháng, nhưng thấp hơn 4% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sang Hà Lan đạt 161.045 tấn, giảm 76% so với tháng 10, trong khi tháng 11 năm 2017 Nam Phi không xuất khẩu than sang nước này. Từ tháng 8 đến tháng 10, Nam Phi đã xuất khẩu 2,18 triệu tấn than sang Hà Lan do nhu cầu ở Ấn Độ trong giai đoạn này giảm mạnh khiến các loại than Nam Phi có CV thấp phải tìm điểm đến thay thế.

Ngoài Ấn Độ, Nam Á tiếp tục là thị trường lớn với than Nam Phi. Pakistan là điểm đến lớn thứ hai trong tháng 11 với 780.825 tấn, tăng 30% so với tháng 10 và 39% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng than Nam Phi xuất khẩu đến Sri Lanka đạt 365.974 tấn, tăng 50% so với tháng 10 và 12% so với cùng kỳ năm trước, khối lượng tới Bangladesh đạt 109.000 tấn, tăng 4% so với tháng 10 nhưng giảm 28% so với cùng kỳ năm 2017. Xuất khẩu sang Đài Loan đã tăng vọt lên 591.154 tấn so với chỉ 76.202 tấn của tháng 10, và nhiều hơn gấp ba lần so với 161.076 tấn một năm trước đó. Xuất khẩu sang Hàn Quốc giảm xuống còn 494.738 tấn, giảm 21% so với tháng 10 và 61% so với cùng kỳ năm 2017.

Xuất khẩu than nhiệt của Nam Phi trong tháng 11 năm 2018

Điểm đến	Khối lượng (tấn)	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Ấn Độ	3.100.477	61,84	-3,54
Pakistan	780.825	29,66	39,08
Đài Loan	591.154	675,77	267

Hàn Quốc	494.738	-20,98	-60,76
Thổ Nhĩ Kỳ	402.550	-17,49	79,71
Sri Lanka	365.974	50,04	12,12
Mozambique	255.998	7,03	-3,83
Ai Cập	253.757	64,56	459,7
Israel	170.000	N/A	3,03
Tây Ban Nha	165.000	-31,08	-14,53
Tổng	7.918.091	24,55	12,86

Nhập khẩu than trong tháng 12 của Việt Nam đạt 2,84 triệu tấn; tăng 79% so với năm trước, xuất khẩu giảm 23%

Việt Nam đã nhập khẩu 2,84 triệu tấn than trong tháng 12, chủ yếu là than nhiệt và than cốc, tăng 79,2% so với cùng kỳ năm 2017, theo dữ liệu sơ bộ của Hải quan Việt Nam công bố. Giá trị than nhập khẩu trong tháng 12 là gần 291 triệu USD, tăng 73,4% so với cùng kỳ năm trước. Úc là nước cung cấp than lớn nhất cho Việt Nam trong tháng với 1,11 triệu tấn, tăng gần bốn lần so với cùng kỳ năm trước, tiếp theo là Indonesia và Nga. Năm ngoái, Việt Nam đã nhập khẩu 22,86 triệu tấn than, cao hơn 55,7% so với năm 2016, chủ yếu từ Indonesia, Úc và Nga. Trị giá than nhập khẩu năm 2018 là 2,55 tỷ USD, tăng 66,5% so với năm 2017.

Trong khi đó, Việt Nam đã xuất khẩu 198.644 tấn than, chủ yếu là than antraxit, trong tháng 12, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu sang Nhật Bản. Giá trị xuất khẩu trong tháng đạt 27,1 triệu USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2017 nhưng tăng 26,2% so với tháng 11. Năm 2018, Việt Nam đã xuất khẩu gần 2,4 triệu tấn than, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm trước đó, chủ yếu sang Nhật Bản và Hàn Quốc. Giá trị xuất khẩu năm 2018 đạt 322,4 triệu USD, tăng 12,3% so với năm 2017.

Công ty khai thác than hàng đầu Việt Nam, Vinacomin cho biết đã bán khoảng 40,5 triệu tấn than trong năm 2018, tăng 15,7% so với năm 2017, bao gồm 38,7 triệu tấn cho thị trường nội địa và 1,8 triệu tấn cho xuất khẩu. Nhu cầu tăng từ khách hàng trong nước, chủ yếu là ngành điện, đã giúp thúc đẩy doanh số bán hàng của Vinacomin trong năm 2018. Hầu hết than của Việt Nam được sử dụng trong nước bởi ngành điện, xi măng và các ngành công nghiệp khác.

Bang Queensland xuất khẩu 223 triệu tấn than trong năm 2018

Bang Queensland, Úc đã lập kỷ lục mới về xuất khẩu than trong năm 2018 với 223,2 triệu tấn, vượt qua kỷ lục năm 2016 trước đó với 2 triệu tấn, theo Phòng Công nghiệp của Hội đồng Tài nguyên Queensland. Ông Ian Macfarlane, giám đốc điều hành của QRC cho biết: "Các nước trên thế giới đang sử dụng than luyện kim của chúng tôi để sản xuất thép xây dựng các thành phố hiện đại và than nhiệt chất lượng cao tạo ra điện cho tương lai thông qua các nhà máy nhiệt điện hiệu suất cao, phát thải thấp. Than từ Queensland đã được xuất khẩu sang 30 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau". Các điểm đến bao gồm Trung Quốc, Indonesia, Ý, Gibraltar, Nhật Bản, Malaysia, Hà Lan, Philippines, Nam Phi, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và Việt Nam. Trong số 223,2 triệu tấn than xuất khẩu năm ngoái, 7,1 triệu tấn đến từ cảng Brisbane của New Hope tại Queensland, 29,8 triệu tấn từ cảng Abbot Point của Adani và 48,9 triệu tấn từ cảng Hay Point của BHP Mitsubishi Alliance. Xuất khẩu từ cảng than Dalrymple Bay thuộc sở hữu nhà nước đạt 69,5 triệu tấn, và xuất khẩu từ cảng Gladstone từ các bến RG Tanna và Wiggins đạt 67,9 triệu tấn, QRC cho biết.

(Nguồn: www.spglobal.com)